

ĐỔI MỚI VỀ SỞ HỮU Ở VIỆT NAM: MỘT SỐ CƠ SỞ LÝ LUẬN

PHẠM VĂN ĐỨC(*)

Tóm tắt: Cơ sở lý luận căn bản của việc đổi mới về sở hữu ở Việt Nam là: thứ nhất, sự đổi mới quan niệm về chủ nghĩa xã hội; về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; thứ hai, sự thay đổi quan niệm về sở hữu, coi sở hữu vừa là mục đích vừa là phương tiện. Theo đó, xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần với các loại hình sở hữu khác nhau là chiến lược lâu dài và tối ưu, nhằm phát triển lực lượng sản xuất, năng động hoá nền kinh tế và nâng cao đời sống của nhân dân lao động. Sự thành công tiếp theo của công cuộc đổi mới phần nhiều phụ thuộc vào những chủ trương và giải pháp nhằm sử dụng một cách tối ưu các loại hình sở hữu.

Trong cuộc đổi mới toàn diện đất nước, bắt đầu bằng đổi mới tư duy mà trước hết là tư duy kinh tế, đang thu được những thành tựu đáng phấn khởi. Từ một nước nông nghiệp có nền kinh tế phát triển chậm, thường xuyên phải nhập lương thực, Việt Nam đã trở thành nước có sự phát triển năng động trong khu vực với tốc độ tăng trưởng hàng năm tương đối cao. Để có được thành tựu như vậy, phải kể đến những đổi mới trong lĩnh vực kinh tế mà theo chúng tôi, một trong những đổi mới quan trọng nhất là *đổi mới về sở hữu*. Chính những đổi mới đó đã tạo động lực cho nền kinh tế, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển và làm cho nền kinh tế trở nên năng động.

Trước hết, chúng tôi xin điểm qua một số đổi mới quan trọng trong lĩnh vực sở hữu. Sở hữu, như mọi người đều biết, là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng. Vì vậy, ngay từ Đại hội III của Đảng, việc cải tạo hệ thống các quan hệ sản xuất cũ thành quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa với 2 hình thức sở hữu chủ yếu là *sở hữu toàn dân* và *sở hữu tập thể*, đã được

thực hiện. Hai hình thức sở hữu này là cơ sở để xây dựng và phát triển thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Cho đến trước Đại hội VI (năm 1986), nền kinh tế Việt Nam vẫn chỉ có hai thành phần kinh tế chủ yếu - đó là kinh tế xã hội chủ nghĩa (kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể) và kinh tế phi xã hội chủ nghĩa (kinh tế cá thể, tiểu chủ). Trong thời gian này, chúng ta đã tập trung chú trọng, tạo mọi điều kiện để phát triển các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, cải tạo, hạn chế để đi đến xoá bỏ dần các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa.

Nhưng, bắt đầu từ Đại hội VI và sau này là các Đại hội VII, VIII và IX, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chủ trương đa dạng hoá các hình thức sở hữu với nhiều thành phần kinh tế khác nhau. Các thành phần kinh tế được hình thành trên cơ sở của ba hình thức sở hữu cơ bản là *sở hữu toàn dân*, *sở hữu tập thể* và *sở hữu tư nhân*. Các thành phần kinh tế bao gồm kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Thư ký Hội đồng Khoa học, Viện Triết học.

tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều quan trọng cần nhấn mạnh là ở chỗ, nếu như trước đây, các thành phần kinh tế chủ yếu được xây dựng trên cơ sở của sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể thì hiện nay, nhiều thành phần kinh tế được xây dựng và phát triển trên cơ sở của sở hữu tư nhân hoặc sở hữu hỗn hợp về tư liệu sản xuất. Đây là một đổi mới quan trọng góp phần làm nên thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước.

Thêm vào đó, những chủ trương, chính sách đối với các thành phần kinh tế qua các đại hội có sự thay đổi lớn hoặc căn bản. Chẳng hạn, từ trước đến nay, chúng ta luôn khẳng định kinh tế nhà nước phải giữ được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, nhưng hiện nay, vai trò chủ đạo đó được hiểu một cách cụ thể hơn, có nội dung xác thực hơn và không còn được hiểu là kinh tế nhà nước phải chiếm một tỷ lệ lớn trong nền kinh tế quốc dân; rằng nó phải được củng cố và phát triển trong những ngành và lĩnh vực trọng yếu, phải làm đòn bẩy đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội, phải là lực lượng vật chất quan trọng và là công cụ để Nhà nước định hướng vĩ mô nền kinh tế, tạo nên nền tảng cho chế độ mới, v.v.. Đảng cũng đã chủ trương thực hiện cổ phần hoá, đa dạng hoá sở hữu đối với các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm 100% vốn; sáp nhập, giải thể, cho phá sản những doanh nghiệp hoạt động không có hiệu quả, v.v..

Song, cái đổi mới căn bản được thể hiện ở chủ trương, chính sách đối với các thành phần kinh tế dựa trên sở hữu tư nhân. Nếu như thời kỳ trước đổi mới, thành phần

kinh tế tư bản tư nhân bị xoá bỏ, thành phần kinh tế cá thể bị cải tạo và thu hẹp dần thì từ sau Đại hội VI đến nay, Đảng ta không ngừng thay đổi chủ trương, chính sách theo hướng khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế đó phát triển. Chẳng hạn, trong *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Đảng đã khẳng định: "Mọi người được tự do kinh doanh theo pháp luật, được bảo hộ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp... Mọi đơn vị kinh tế không phân biệt quan hệ sở hữu đều hoạt động theo cơ chế tự chủ kinh doanh, hợp tác và cạnh tranh với nhau bình đẳng trước pháp luật"(1). Những tư tưởng trên đây đã được Đại hội IX của Đảng tiếp tục hoàn thiện và phát triển trong chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong nền kinh tế đó, "các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh..."(2); "Tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương phát triển mạnh các thành phần kinh tế; xoá bỏ phân biệt đối xử; tạo môi trường đầu tư kinh doanh bình đẳng, minh bạch, ổn định chính sách thông thoáng và thuận lợi hơn, đảm bảo quyền của mọi người dân được tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm"(3).

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 8.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 95 - 96.

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành Trung ương khoá IX*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 80.

Chúng ta cũng có thể kể ra nhiều thành tựu cụ thể hơn xung quanh việc đổi mới về sở hữu. Những kết quả cụ thể do những thành tựu đó mang lại là rất lớn và đã được khẳng định. Đó chính là cơ sở thực tiễn để khẳng định công cuộc đổi mới nói chung và đổi mới về sở hữu nói riêng là đúng đắn. Vấn đề đặt ra chính là ở chỗ, vậy cơ sở lý luận để dẫn tới những đổi mới căn bản quan niệm về sở hữu trong thời gian qua là gì?

Trước hết, cơ sở lý luận để dẫn tới sự thay đổi quan niệm về sở hữu đó là sự đổi mới quan niệm về chủ nghĩa xã hội và quan niệm về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trước đây, quá độ lên chủ nghĩa xã hội mặc dù được quan niệm là một thời kỳ lâu dài, gian khổ; song, cái lâu dài, gian khổ đó cũng chỉ được hạn định trong vài ba kế hoạch 5 năm. Trong thời gian đó, những cái không phải là chủ nghĩa xã hội, những cái là "tàn dư của xã hội cũ" sẽ được xóa bỏ một cách nhanh chóng. Chỉ sau vài kế hoạch 5 năm, Việt Nam sẽ có ngay chủ nghĩa xã hội.

Song, qua thực tế xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là thực tế của những năm đổi mới, chúng ta ngày càng nhận ra rằng, quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ vô cùng khó khăn và gian khổ. Không ai có thể xác định một cách chính xác độ dài của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là bao nhiêu năm. Bởi vì, độ dài của thời kỳ đó không chỉ phụ thuộc vào điểm xuất phát của từng nước, mà còn phụ thuộc vào chiến lược phát triển và bước đi cụ thể của mỗi nước. Về mặt phương pháp luận, chúng ta chỉ có thể nói được rằng, thời kỳ quá độ là rất dài

và có thể kéo dài đến 100 năm. Trong thời gian đó, chúng ta phải sử dụng những cái không phải là của chủ nghĩa xã hội như *những bước trung gian quá độ* để phát triển sản xuất, tạo công ăn việc làm, nâng cao đời sống của nhân dân lao động.

Thêm vào đó, trong thời kỳ đổi mới, quan niệm thế nào là chủ nghĩa xã hội cũng dần dần được sáng tỏ hơn. Như chúng ta đều biết, trước đây, chủ nghĩa xã hội thường được quan niệm với các đặc trưng cụ thể trong sự so sánh với chủ nghĩa tư bản. Chẳng hạn, nếu như trong chủ nghĩa tư bản còn tồn tại chế độ tư hữu, còn tồn tại tình trạng người bóc lột người thì trong chủ nghĩa xã hội, chế độ tư hữu sẽ bị thủ tiêu và được thay thế bằng chế độ công hữu; tình trạng người bóc lột người, dân tộc này áp bức dân tộc khác sẽ không còn tồn tại, v.v.. Đó chính là những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội đã được các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin dự báo khi so sánh với chủ nghĩa tư bản. Nhưng "các đặc trưng đó lâu nay thường được chúng ta hiểu như những cái *dứt khoát sẽ có*, trong khi đó, sự thực, các đặc trưng ấy hầu hết được C.Mác và Ph.Ăngghen trình bày dưới dạng các *khả năng*, các *tiên đoán* về các sự biến tương lai"(4).

Tuy nhiên, bên cạnh cách hiểu về chủ nghĩa xã hội với các đặc trưng cụ thể, trong quan niệm của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin còn có cách hiểu khác về chủ nghĩa xã hội, coi đó là một xã hội phát triển cao hơn và tốt đẹp hơn chủ nghĩa tư bản. Điều đó được thể hiện ở chỗ, khi đưa ra quan niệm về thời kỳ quá độ, C.Mác chủ

(4) Lê Hữu Tấn. *Chủ nghĩa xã hội từ lý luận đến thực tiễn. Những bài học kinh nghiệm chủ yếu*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 29.

yếu nói về thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang xã hội cộng sản, còn hầu như không nói tới quá độ từ một nước tiền tư bản lên xã hội cộng sản, hoặc nếu có nói thì xem đó như một trường hợp ngoại lệ, một trường hợp của “sự phát triển rút ngắn” hết sức hiếm hoi. Vì thế, không phải ngẫu nhiên mà khi so sánh giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, ông hầu như không so sánh cơ sở vật chất của hai xã hội đó. Bởi vì, trong quan niệm của ông, chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội rồi. Xét về trình độ, cơ sở vật chất của bản thân hai xã hội này không có gì khác nhau.

Kế thừa quan niệm trên đây của C. Mác, ở Việt Nam, Hồ Chí Minh đã đưa ra nhiều quan niệm giải thích một cách vắn tắt thực chất của chủ nghĩa xã hội. Trong các bài viết của Người, chúng ta có thể tìm thấy một số quan niệm tiêu biểu về chủ nghĩa xã hội, như “Xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt”; “mọi người dân được ăn no, mặc ấm, sung sướng, tự do”; “mọi người dân được ăn no, hạnh phúc và học hành tiến bộ”; “tất cả mọi người, các dân tộc ngày càng no ấm, con cháu chúng ta ngày càng sung sướng”; “nhân dân lao động thoát khỏi nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn, việc làm, được ăn no và sống một đời hạnh phúc”; “chủ nghĩa xã hội làm sao cho dân giàu nước mạnh”(5).

Kế thừa các quan niệm trên đây của Hồ Chí Minh, trong Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII và Văn kiện các Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và lần thứ IX, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra mục tiêu là phấn đấu

xây dựng nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”(6). Đó cũng là căn cứ để chúng ta xác định thế nào là đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Áp dụng vào vấn đề sở hữu, chúng ta có thể nói rằng, chủ trương đa dạng hoá các loại hình sở hữu, cho phép nhiều thành phần kinh tế tồn tại và phát triển là một chủ trương đi đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Theo chúng tôi, đó là cơ sở lý luận thứ nhất cho sự thay đổi quan niệm về sở hữu ở Việt Nam.

Thứ hai, cơ sở của sự đổi mới quan niệm về sở hữu là *sự thay đổi từ quan niệm sở hữu chủ yếu là mục đích sang quan niệm coi sở hữu vừa là mục đích vừa là phương tiện*. Mục đích và phương tiện là một cặp phạm trù triết học quan trọng. Mục đích chính là cái mà con người cần hướng tới, còn phương tiện là cái mà nhờ đó con người có thể đạt tới mục đích. Mục đích là dự kiến trong ý thức con người về kết quả nhằm đạt được bằng hoạt động của mình. Với tính cách là động cơ trực tiếp, mục đích hướng dẫn, điều chỉnh mọi hoạt động. Trong khi biểu hiện mặt tích cực của ý thức, mục đích phải phù hợp với những quy luật khách quan, với khả năng thực tế của thế giới xung quanh và của bản thân chủ thể. Mục đích có thể được thực hiện bằng nhiều phương tiện (biện pháp) khác

(5) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, t.10, tr. 591; t.8, tr.396; t. 10, tr. 97, 317, 17; t. 8, tr. 226.

(6) Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 26; *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.19, 80; *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 22.

nhau tùy thuộc điều kiện cụ thể từng nơi, từng lúc(7).

Trong thực tế, đôi khi con người vẫn nhầm lẫn mục đích với phương tiện. Sự nhầm lẫn giữa mục đích và phương tiện sẽ dẫn đến những hậu quả không tốt cho hoạt động thực tiễn. Tuy nhiên, điều khó khăn là ở chỗ, giữa mục đích và phương tiện nhiều khi không có một ranh giới rõ ràng. Cái là mục đích trong quan hệ này lại là phương tiện trong quan hệ khác; có cái vừa là mục đích lại vừa là phương tiện. Chẳng hạn, khi chúng ta nói rằng, con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội thì điều đó cũng có nghĩa rằng, con người vừa là mục đích của sự phát triển kinh tế - xã hội, mọi sự phát triển kinh tế - xã hội phải hướng vào việc nâng cao chất lượng người; nhưng đồng thời, với tư cách là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội thì chính con người lại được xem là phương tiện để tạo ra sự phát triển - kinh tế xã hội đó. Tương tự như vậy, trong những năm gần đây, chúng ta thường khẳng định rằng, dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển xã hội. Với tính cách là mục tiêu, dân chủ thể hiện trình độ văn minh của sự phát triển xã hội, đó là cái đích mà xã hội ta cần phải hướng tới. Nhưng mặt khác, việc thực hiện dân chủ lại là phương tiện hữu hiệu để phát huy mọi sáng kiến của đại đa số quần chúng nhân dân lao động trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới; đồng thời, là biện pháp hữu hiệu để chống lại một số tệ nạn xã hội đang cản trở sự phát triển của xã hội ta, như nạn quan liêu, tham nhũng, của quyền, v.v..

Chúng ta hãy trở lại vấn đề sở hữu. Vấn đề sở hữu trong cuộc cách mạng nhằm lật

đổ 'chế độ phong kiến và đánh đổ đế quốc xâm lược đúng là vấn đề cơ bản. Thêm vào đó, việc xây dựng một chế độ tiến bộ làm cơ sở nhằm thủ tiêu mọi áp bức bóc lột, tạo lập sự bình đẳng, hữu nghị giữa các dân tộc là mục đích của sự phát triển xã hội. Song mặt khác, bản thân các hình thức sở hữu lại là hình thức biểu hiện và bị quy định bởi trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Điều đó có nghĩa là, nếu các hình thức sở hữu mà phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất thì nó sẽ thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển; còn trong trường hợp ngược lại, nó không những không có tác dụng thúc đẩy, mà còn cản trở sự phát triển của lực lượng sản xuất. Với ý nghĩa đó, sở hữu lại là *phương tiện* để phát triển lực lượng sản xuất. Điều này, theo chúng tôi, đặc biệt quan trọng đối với những nước chưa trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa thực hiện *quá độ rút ngắn* đi lên chủ nghĩa xã hội.

Do không hiểu được sở hữu vừa là mục đích vừa là phương tiện, hoặc quá nhấn mạnh đến khía cạnh mục đích của việc xây dựng chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, trong thời kỳ trước đổi mới, chúng ta đã tập trung xây dựng chế độ công hữu dưới hai hình thức là sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Một số người còn quan niệm rằng, càng có nhiều hợp tác xã càng có nhiều chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, khi Đảng ta chủ trương thực hiện "khoán 10", giải tán các hợp tác xã thì không ít người cho rằng, làm như vậy là xoá chủ nghĩa xã hội. Với cách nghĩ như vậy, họ đã vô hình trung đồng nhất chủ nghĩa xã hội với một hình thức sở hữu cụ thể, đó là sở hữu tập thể. Trong khi

(7) Xem: *Từ điển Bách Khoa Việt Nam*, t.2. Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2002, tr. 964.

đó, thực ra, sở hữu tập thể chỉ là một phương tiện để phát triển lực lượng sản xuất mà thôi. Khi phương tiện đó không phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, không đáp ứng được yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất thì tất yếu nó phải được thay thế bằng một phương tiện khác, phù hợp hơn.

Song, bắt đầu từ Đại hội VI đến nay, cùng với sự đổi mới tư duy kinh tế, quan niệm về sở hữu từng bước cởi mở hơn, như đã trình bày ở trên. Nhận định rất quan trọng, mang tính khái quát rất cao về mặt lý luận của Đại hội VI - "Lực lượng sản xuất bị kìm hãm không chỉ trong trường hợp quan hệ sản xuất lạc hậu, mà cả khi quan hệ sản xuất phát triển không đồng bộ, có những yếu tố đi qua xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất"(8) - có liên quan chủ yếu tới vấn đề sở hữu.

Xuất phát từ nhận định đó, kể từ khi đổi mới đến nay, các chính sách cụ thể đối với các loại hình sở hữu và các thành phần kinh tế trở nên thông thoáng hơn và ngày càng được hoàn thiện. Các loại hình sở hữu, các thành phần kinh tế đều được xem là bộ phận hợp thành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tất cả các loại hình sở hữu đều là những phương tiện để đạt tới mục tiêu là xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, như đã được xác định trong các đại hội gần đây của Đảng.

Song, nếu các loại hình sở hữu, đặc biệt là sở hữu tư nhân, chỉ là phương tiện để đạt đến mục tiêu là xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải chăng việc sử dụng phương tiện đó chỉ mang tính nhất thời và trong một thời gian ngắn, sở hữu tư nhân sẽ bị

thay thế hoặc bị xóa bỏ? Nói cách khác, việc khuyến khích và cho phép sở hữu tư nhân phát triển chỉ là một sách lược tạm thời trong một thời gian ngắn, chứ không phải là một chiến lược lâu dài. Đây là vấn đề hết sức cấp bách cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn. Điều này không chỉ liên quan tới lý luận về chủ nghĩa xã hội, mà còn liên quan đến tâm lý và sự đầu tư thực tế của người sản xuất vào các lĩnh vực sản xuất và kinh doanh. Bởi vì, nếu khẳng định việc sử dụng sở hữu tư nhân chỉ như là một sách lược tạm thời thì không một nhà kinh doanh nào dám bỏ vốn liếng của mình vào sản xuất để đến một giai đoạn nào đó, lại bị quốc hữu hoá và biến thành các hình thức sở hữu khác như trước đây.

Về mặt lý luận, chúng ta cần khẳng định lại rằng, trong các tác phẩm của mình, C.Mác nhiều lần khẳng định những người cộng sản không có nhiệm vụ xóa bỏ chế độ tư hữu nói chung (việc đó chủ nghĩa tư bản, trên thực tế, đã làm - chủ nghĩa tư bản xóa bỏ chế độ sở hữu phong kiến và các loại hình sở hữu khác để xây dựng và phát triển sở hữu tư bản chủ nghĩa) mà có nhiệm vụ xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, tức là chế độ tư hữu dùng quyền tư hữu của mình để bóc lột lao động của người khác. Thứ nữa, bản thân C.Mác cũng như Ph.Ăngghen đều cho rằng, việc xóa bỏ chế độ tư hữu là do đòi hỏi của sự phát triển của lực lượng sản xuất, của công nghiệp. Điều đó cũng có nghĩa là, sở dĩ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa bị chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa xóa bỏ là do đòi hỏi tất

(8) Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 57.

yếu của sự phát triển của lực lượng sản xuất. Tương tự như vậy, sở dĩ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa bị xóa bỏ vì nó trở thành “xiềng xích” đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Còn trong trường hợp ngược lại, khi sở hữu tư nhân còn phát huy vai trò của mình đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất thì sự tồn tại của nó lại là tất yếu và cần thiết.

Áp dụng lý luận đó vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, chúng tôi cho rằng, Việt Nam hiện đang tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thì vấn đề đặt ra là, trong khi tiếp tục xây dựng và phát triển sở hữu toàn dân, làm cho nó thực sự đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, cần tiếp tục khai thác những mặt mạnh của sở hữu tư nhân để phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao đời sống của nhân dân lao động. Đó cũng chính là đòi hỏi khách quan của sự phát triển của lực lượng sản xuất. Nói cách khác, việc cho phép tồn tại và phát triển nhiều loại hình sở hữu, trong đó có sở hữu tư nhân không những là tất yếu mà còn cần thiết cho việc phát triển của lực lượng sản xuất. Sự tồn tại của sở hữu tư nhân sẽ là rất lâu dài và nếu như thời kỳ quá độ, như một số nước khẳng định, có thể kéo dài hàng trăm năm thì sự tồn tại của sở hữu tư nhân cũng không thể ngắn hơn thời gian đó.

Mặt khác, thực tế ở các nước tư bản phát triển đã chứng minh rằng, mặc dù sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đã phát triển đến một trình độ rất cao, song các hình thức sở hữu tư nhân với quy mô nhỏ vẫn tồn tại và không bị các hình thức sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa thủ tiêu.

Còn ở Việt Nam, khi nào sở hữu tư nhân bị xóa bỏ? Đây là câu hỏi rất khó xác định về mặt thời gian. Nhưng, xét về mặt phương pháp luận, có thể khẳng định rằng, chỉ khi nào sở hữu tư nhân không còn là hình thức tất yếu của lực lượng sản xuất, không còn đóng vai trò thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển và trở thành “xiềng xích”, mâu thuẫn gay gắt với sự phát triển của lực lượng sản xuất thì khi đó, sở hữu tư nhân sẽ không còn tồn tại. Đó cũng sẽ là quá trình phát triển lịch sử - tự nhiên, tức là tuân theo quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với sự phát triển nhất định của lực lượng sản xuất. Còn sự biến đổi của các hình thức cụ thể của sở hữu tư nhân thành các hình thức sở hữu khác, như sở hữu hỗn hợp, sở hữu tập thể, v.v.. cũng là một quá trình tự nguyện dựa trên đòi hỏi khách quan do sự phát triển cụ thể của sản xuất quy định.

Từ những điều trình bày trên đây, có thể khẳng định rằng, việc thực hiện một nền kinh tế nhiều thành phần với các loại hình sở hữu khác nhau là chiến lược lâu dài và tối ưu để làm cho nền kinh tế trở nên năng động nhằm phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao đời sống của nhân dân lao động và là một trong những tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá hiệu quả của việc xây dựng quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa, như Đại hội Đảng lần thứ IX đã khẳng định. Sự thành công tiếp theo của công cuộc đổi mới phần nhiều phụ thuộc vào những chủ trương và giải pháp cho việc sử dụng một cách tối ưu các loại hình sở hữu, cả sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể lẫn sở hữu tư nhân. □